

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày: 06/6/2019

“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai.

Ông: Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2019/TLST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST-DS ngày 17/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngô Ngọc Q, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: 521B/2, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ

Bị đơn: Nguyễn Văn R, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: 581/2, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn ông Ngô Ngọc Q trình bày: Vào ngày 24/8/2015 ông có cho ông R vay số tiền 55.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn 03 tháng trả, đến hạn ông R không trả vốn và lãi. Ngày 06/5/2016, tại Văn phòng ấp H, xã T, ông R thừa nhận có nợ ông 55.000.000đ và hẹn đến ngày 15/5/2016 sẽ trả đủ nhưng ông R không thực hiện. Đến ngày 30/8/2016 ông R tiếp tục viết và ký tên vào biên nhận còn nợ ông số

tiền 55.000.000đ. Ngày 12/9a/2016 ông R trả cho ông 3.000.000đ, ông R viết và ký tên vào biên nhận còn nợ ông số tiền 52.000.000đ.

Ngày 19/4/2017, tại Văn phòng ấp H, ông R thừa nhận còn nợ ông 52.000.000đ và hẹn đến ngày 25/4/2017 trả 3.000.000đ, sau đó hàng tháng trả 3.000.000đ đến khi trả xong nhưng ông R không thực hiện. Đến ngày 01/5a/2017, ông R tiếp tục viết và ký tên vào tờ cam kết vẫn còn nợ ông 52.000.000đ và hẹn đến ngày 15/5a/2017 sẽ trả đủ nhưng ông R không thực hiện đúng cam kết. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông R có nghĩa vụ trả cho ông tiền vốn 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày: Lời trình bày của ông Q là không đúng, ông thừa nhận các biên bản tại văn phòng ấp H, các biên nhận và tờ cam kết ông có nợ ông Q 55.000.000đ, trả 3.000.000đ, còn nợ 52.000.000đ, ông có ký tên, ghi họ tên và trực tiếp viết và ký tên vào các biên nhận, tờ cam kết trên nhưng thực tế ông không có vay số tiền 52.00.000đ của ông Q mà do ông Q kê lãi và vốn. Ông thừa nhận có vay tiền của ông Q tổng cộng 06 lần là 32.000.000đ, không có làm biên nhận (ông chỉ nhớ có lần vay 10.000.000đ và 01 lần vay 3.000.000đ, ngoài ra các lần vay khác không nhớ rõ thời gian vay, số tiền cụ thể), ông có đóng lãi hàng tháng (không có tài liệu, chứng cứ chứng minh) và trả được 3.000.000đ, còn 29.000.000đ đến nay chưa trả. Nay ông đồng ý trả cho ông Q tiền vốn 29.000.000đ, không trả lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông R trả 52.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Các đương sự cùng cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của ông Ngô Ngọc Q yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn R trả vốn 52.000.000đ, không yêu cầu lãi là có căn cứ, bởi lẽ: ông Q chứng minh được bằng các biên nhận ngày 30/8/2016, ngày 12/9/2016; tờ cam kết ngày 01/5a/2017 ông R trực tiếp viết biên nhận, cam kết và có ký tên, ghi họ tên vào các biên nhận, tờ cam kết trên. Ngoài ra vào các ngày 6/5/2016, 19/4/2017, tại Văn phòng ấp Hòa Định, xã Tân Hòa, ông R thừa nhận có nợ ông Q 55.000.000đ, trả 3.000.000đ, còn 52.000.000đ đến nay chưa trả. Do đó, yêu cầu của ông Q yêu cầu ông R trả vốn

52.000.000đ, không yêu cầu lãi là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Đối với bị đơn, ông Nguyễn Văn R cho rằng ông có vay tiền của ông Q tổng cộng 06 lần là 32.000.000đ (trả vốn 3.000.000đ và trả lãi hàng tháng), còn nợ 29.000.000đ nhưng ông không nhớ rõ thời gian, số lần vay cụ thể và cũng không làm biên nhận. Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông R không nộp bất kỳ các tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của ông và ông chỉ đồng ý trả cho ông Q tiền vốn 29.000.000đ là không có cơ sở, bởi lẽ tại các biên bản hòa giải ngày 06/5/2016 và ngày 19/4/2017 tại Văn phòng áp H ông R thừa nhận có nợ ông Q 55.000.000đ, trả 3.000.000đ, còn nợ 52.000.000đ cũng như tại các biên nhận, tờ cam kết ông R có ký tên và ghi họ tên vào các biên nhận và các tờ cam kết trên. Điều đó chứng tỏ ông R có nợ ông Q 55.000.000đ, trả 3.000.000đ, còn 52.000.000đ đến nay chưa trả. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông R có trách nhiệm trả vốn cho ông Q 52.000.000đ, không trả lãi là phù hợp với các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của ông Q nên ông R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn R có trách nhiệm trả cho ông Ngô Ngọc Q tiền vốn 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Ông Nguyễn Văn R phải chịu 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Ngô Ngọc Q 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo biên lai số 0008605, ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/6/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS h.Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**